

Số: 85/2022/QĐST-HNGĐ

NT, ngày 13 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NT, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 212 và Điều 213; Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2; 6; 7; 7a; 9; 26 và 30 của Luật Thi hành án Dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Tiêu Vi T**, sinh năm 1987.

HKTT: Khóm Hàng Vĩnh, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Tổ 18, ấp Bến Cam, xã Phước Thiện, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

- Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1987.

HKTT: Khóm Hàng Vĩnh, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Số 208/1 khu phố 1, đường An Phú Đông, phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Anh Tiêu Vi T và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân HT, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn số 104 ngày 26 tháng 11 năm 2010. Quá trình chung sống anh T và chị N phát sinh mâu thuẫn do có bất đồng về quan điểm sống, cách sống nên thường xuyên cãi vã, to tiếng xúc phạm nhau. Do không thể tiếp tục chung sống nên

anh Tvà chị N đã sống ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay. Vì vậy, giữa vợ chồng anh Tvà chị N không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ đối với anh Tvà chị N nhưng không thành. Anh Tvà chị N cùng yêu cầu Tòa án công nhận cho anh, chị thuận tình ly hôn. Ngày 05 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện NT đã tiến hành hòa giải đoàn tụ đối với anh Tiêu Vi T và chị Nguyễn Thị N nhưng không thành. Các đương sự thống nhất thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan. Thỏa thuận của các đương sự ghi nhận tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tiêu Vi T và chị Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

2. Về con chung:

Anh Tiêu Vi T và chị Nguyễn Thị N tự nguyện thỏa thuận giao 02 con chung là: Tiêu Tổ Q, sinh ngày 19/8/2010 và Tiêu Hữu Ph, sinh ngày 22/09/2013 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Về lệ phí: Anh Tiêu Vi T và chị Nguyễn Thị N mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tiêu Vi T và chị Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung:

Anh Tiêu Vi T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là Tiêu Tổ Q, sinh ngày 19/8/2010 và Tiêu Hữu Ph, sinh ngày 22/09/2013.

Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3.3. Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết

3.4. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Tiêu Vi T và chị Nguyễn Thị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh Tôn, chị N mỗi người đã nộp là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo các biên lai thu số 0007300 và 0007301 cùng ngày 14/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện NT. Anh Tôn, chị N đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H. NT;
- UBND xã Tân HT, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục thi hành án dân sự;
- Lưu.

Lê Văn Đại